

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày: 02 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tiến

Ông Đoàn Quang Giao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/HSST-QĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1988; tại Vĩnh Long; Nơi thường trú: 40/8 Tr, phường Th, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nơi ở hiện nay: tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1967 và bà Dương Thị Ph, sinh năm 1971; có vợ là Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1993 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2023; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Trần Thị Th; Sinh ngày 17 tháng 01 năm 1985; tại Quảng Bình; Nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị S, sinh năm 1955; có chồng là Hoàng

Văn Th, sinh năm 1980 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 22/5/2019, Công an thị trấn L, huyện L xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền: 2.000.000 (hai triệu đồng) về hành vi “vi phạm quy định về gây thiệt hại đến tài sản của người khác”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2023, đến ngày 05/01/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Cao Văn H - Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH MTV Đ, thuộc Đoàn luật sư thành phố H, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thị Th; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Bon Yô Hoài S; sinh năm 1987 và anh Bon Đình H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (chị S có mặt, anh H vắng mặt).

2. Chị Cil Viễn Đ; sinh năm 1987; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

3. Chị Liêng Hót K'T; sinh năm 1988; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4. Chị Cil K'Đ; sinh năm 1989 và anh Bon Yô Hoàng Đ; sinh năm 1987; Nơi cư trú tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

5. Bà Cil K'D; sinh năm 1951; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

6. Bà Cil Yũ K'Th, sinh năm 1963; Ông Kon Sa Ha H, sinh năm 1964; Chị Cil Yũ K'X; sinh năm 1989; Chị Cil Yũ KÔ, sinh năm 1987; Anh Cil Yũ Ha S, sinh năm 1990; Anh Cil Yũ Ha Ch, sinh năm 1991; Chị Cil Yũ A K, sinh năm 1993; Chị Cil Yũ K' Kh, sinh năm 1996; Anh Cil Yũ Ha Phang S, sinh năm 1997; Chị Cil Yũ K' M, sinh năm 2000. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; (chị K'X và ông Ha H có mặt; Bà K'Th, KÔ, Ha S, Ha Ch, A K, K' Kh, Phang S vắng mặt).

7. Chị Cil Anh Đ; sinh năm 1986; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và Trần Thị Th sống chung với nhau như vợ chồng tại TDP Đ, TT L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Đến khoảng cuối năm 2020, đầu năm 2021, D nảy sinh ý định cho người khác vay tiền để thu tiền lãi. D đã bàn bạc và cùng thống nhất với Th sẽ cho người khác vay tiền với lãi suất tương đương 10%/01 tháng đối với mỗi khoản vay

để thu tiền lãi. Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023, D và Th đã cho nhiều người vay tiền và đã thu được tiền lãi từ những người này, cách thức các bị can thực hiện hành vi như sau:

Khi có người cần vay tiền đến gặp D, Th tại nhà ở TDP Đ, TT L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì D và Th thỏa thuận với người vay về số tiền vay, kỳ hạn vay, mức lãi suất vay, thời hạn trả tiền lãi, tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp người vay không trả được tiền vay, tiền lãi Khi vay tiền, người vay phải viết giấy mượn tiền hoặc ký sổ ghi nợ hoặc viết giấy sang nhượng, thế chấp nhà, đất để làm tin. D, Th sẽ giữ những giấy tờ này, khi người vay trả hết tiền vay và tiền lãi hoặc có thỏa thuận khác thì sẽ trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho người vay. Sau khi người vay đồng ý vay tiền, các bị cáo sẽ đưa tiền mặt hoặc Th sẽ chuyển tiền từ tài khoản mang tên Trần Thị Th ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện L vào tài khoản của người vay. Khi đến hạn trả tiền lãi, các bị cáo sẽ gọi điện thoại cho người vay bằng số điện thoại 0933065xxx (số điện thoại của Th), số điện thoại 0906524xxx (số điện thoại của D) hoặc nhắn tin cho người vay bằng tài khoản Facebook của Th là “Mai Trinh xxx”, tài khoản Zalo của Th là “Khoái xx”, tài khoản Facebook của D là “Nguyễn xx”, tài khoản Zalo của D là “xxx” để yêu cầu người vay trả tiền lãi. Kết quả điều tra đã xác định:

1. Từ tháng 01/2022 đến cuối tháng 12/2023, bà Bon Yô Hoài S cùng chồng là ông Bon Đình H đã 05 lần vay tiền của các bị cáo để sử dụng chung trong gia đình. Việc vay tiền, nhận tiền vay, trả tiền lãi cho các bị cáo do bà Bon Yô Hoài S trực tiếp giao dịch với các bị cáo; cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 29/01/2022, bà Bon Yô Hoài S đã vay của các bị cáo 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng), lãi suất là 10%/1 tháng, (120%/01 năm), tương ứng với 6.000.000 (sáu triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 01/2022, thời hạn phải trả tiền vay là 01 năm kể từ ngày vay. Khi vay tiền, bà S đã viết giấy vay. Bà S đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thỏa thuận của 24 tháng là 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), bà S đã trả đủ số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng) đối với khoản vay này. Bà S chưa trả số tiền gốc 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng) của khoản vay này cho các bị cáo.

Lần thứ hai: Ngày 16/02/2022, bà S đã vay của các bị cáo 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng), lãi suất là 10%/ 01 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 4.000.000 (bốn triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 02/2022, thời hạn phải trả tiền vay là 01 năm kể từ ngày vay. Khi vay tiền, bà S đã viết giấy vay. Bà S đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thỏa thuận của 23 tháng là 92.000.000 (chín mươi hai triệu đồng), bà S đã trả đủ số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 76.666.667 (bảy mươi sáu triệu sáu

trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) đối với khoản vay này. Bà S chưa trả số tiền gốc 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) của khoản vay này cho các bị cáo.

Lần thứ ba: Ngày 01/11/2022, bà S đã vay của các bị cáo 100.000.000 (một trăm triệu đồng), lãi suất là 10%/1 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 10.000.000 (mười triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 11/2022, thời hạn phải trả tiền vay là 01 năm kể từ ngày vay. Khi vay tiền, bà S đã viết giấy vay và thế chấp 2693 m² đất tại TT. L. Bà S đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận của 14 tháng là 140.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng), bà S đã trả đủ số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 116.666.667 (một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) đối với khoản vay này. Bà S chưa trả số tiền gốc 100.000.000 (một trăm triệu đồng) của khoản vay này cho các bị cáo.

Lần thứ tư: Ngày 24/5/2023, bà S đã vay của các bị cáo 100.000.000 (một trăm triệu đồng), lãi suất là 10%/1 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 10.000.000 (mười triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 5/2023. Lần vay này, bà S viết giấy vay tiền dưới hình thức giấy sang nhượng đất, trong đó ghi nội dung bà S sang nhượng lại cho các bị cáo mảnh đất diện tích 2693m² mà bà S đã thế chấp cho các bị cáo vào ngày 01/11/2022. Bà S đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 05/2023 đến tháng 12/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận của 08 tháng là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng), bà S đã trả đủ số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 66.666.667 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) đối với khoản vay này. Bà S vẫn chưa trả số tiền gốc 100.000.000 (một trăm triệu đồng) của khoản vay này cho các bị cáo.

Lần thứ năm: Ngày 22/12/2023, bà S đã vay của các bị cáo 50.000.000 (năm mươi triệu đồng), lãi suất 10%/1 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 5.000.000 (năm triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 12/2023. Khi vay tiền thì bà S viết tiếp vào giấy sang nhượng đất ngày 24/5/2023. Bà S đã trả tiền lãi của tháng 12/2023 là 5.000.000 (năm triệu đồng). Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 4.166.667 (bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) đối với khoản vay này. Bà Sưng chưa trả số tiền gốc 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) của khoản vay này cho các bị cáo.

Các bị cáo đã giao trực tiếp các khoản tiền vay cho bà Sưng tại nhà của các bị cáo hoặc chuyển tiền vay vào tài khoản của bà Sưng; bà Sưng trả tiền lãi cho các bị cáo bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản 5401205047xxx của Trần Thị Th tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện L. Tổng số tiền vợ chồng bà Bon Yô Hoài S, ông Bon Đình H đã vay của các bị cáo là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng) và chưa trả số tiền này; Tổng số tiền lãi bà S phải trả theo thoả thuận và đã trả đủ cho các bị cáo là

461.000.000 (bốn trăm sáu mươi một triệu đồng). Các bị cáo đã thu lợi bất chính tổng cộng 384.166.667 (ba trăm tám mươi tư triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ các khoản vay này.

2. Từ tháng 8/2022 đến tháng 6/2023, bà Cil Viễn Đ đã 05 lần vay tiền của các bị cáo để sử dụng chung trong gia đình. Việc vay tiền, nhận tiền vay, trả tiền lãi cho các bị cáo do bà Đ trực tiếp giao dịch với các bị cáo; cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 11/8/2022, bà Cil Viễn Đ đã vay của các bị cáo 50.000.000 (năm mươi triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 5.000.000 (năm triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 9/2022. Khi vay tiền, bà Đ đã viết giấy vay. Bà Đ đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận của 16 tháng là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng), bà Đ đã trả đủ số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 66.666.667 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) đối với khoản vay này. Bà Đ chưa trả số tiền gốc của khoản vay này.

Lần thứ hai: Ngày 03/3/2023, bà Đ đã vay của các bị cáo 50.000.000 (năm mươi triệu đồng), lãi suất 10%/1 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 5.000.000 (năm triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 4/2023. Khi vay tiền, bà Đ đã viết giấy vay. Bà Đ đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận của 09 tháng là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu đồng), bà Đ đã trả đủ số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 37.500.000 (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đối với khoản vay này. Bà Đ chưa trả số tiền gốc của khoản vay này.

Lần thứ ba: Ngày 25/5/2023, bà Đ đã vay của các bị cáo 10.000.000 (mười triệu đồng), lãi suất 10%/1 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 1.000.000 (một triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 6/2023. Khi vay tiền, bà Đ đã viết giấy vay. Bà Đ đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 6/2023 đến tháng 11/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận của 06 tháng là 6.000.000 (sáu triệu đồng), bà Đ đã trả đủ số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 5000.000 (năm triệu đồng) đối với khoản vay này. Khoản tiền lãi của tháng 12/2023, các bị cáo không yêu cầu bà Đ phải trả. Bà Đ chưa trả số tiền gốc của khoản vay này.

Lần thứ tư: Ngày 07/6/2023, bà Đ đã vay của các bị cáo 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng), lãi suất 10%/1 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 4.000.000 (bốn triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 6/2023. Khi vay tiền, bà Đ đã viết giấy vay. Bà Đ đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận của 07 tháng là 28.000.000 (hai mươi tám triệu đồng), bà Đ đã trả đủ số

tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 23.333.333 (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) đối với khoản vay này. Bà Đ chưa trả cho các bị cáo số tiền gốc của khoản vay này.

Các bị cáo đã giao trực tiếp các khoản tiền vay cho bà Đ tại nhà của các bị cáo hoặc chuyển tiền vay vào tài khoản của bà Đ; bà Đ trả tiền lãi cho các bị cáo bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản 5401205047xxx của Trần Thị Th tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện L. Tổng số tiền bà Cil Viễn Đ đã vay của các bị cáo là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) và chưa trả số tiền này; tổng số tiền lãi bà Đ phải trả theo thỏa thuận là 159.000.000 (một trăm năm mươi chín triệu đồng); Tổng số tiền lãi bà Đ đã trả cho các bị cáo là 159.000.000 (một trăm năm mươi chín triệu đồng). Các bị cáo đã thu lợi bất chính tổng cộng 132.500.000 (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) từ các khoản vay này.

3. Từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023, vợ chồng ông Kon Sa Ha H, bà Cil Yũ K' Th đã 02 lần vay tiền của các bị cáo để sử dụng chung trong gia đình. Việc trả nợ tiền vay, trả tiền lãi cho các bị cáo là trách nhiệm của vợ chồng ông Kon Sa Ha H. Ông Ha H đã viết giấy uỷ quyền cho bà Cil Yũ K' Th nhận tiền vay, trả tiền lãi và thực hiện các thỏa thuận khác với các bị cáo; cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 25/12/2022, vợ chồng ông Kon Sa Ha H, bà Cil Yũ K' Th đã vay của các bị cáo 200.000.000 (hai trăm triệu đồng), lãi suất là 10%/01 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 20.000.000 (hai mươi triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 01/2023. vợ chồng ông Kon Sa Ha H thỏa thuận 06 tháng sẽ trả tiền lãi một lần, thời hạn vay là 01 năm. Do số tiền vợ chồng ông Kon Sa Ha H vay nhiều nên khi vay tiền, vợ chồng ông Kon Sa Ha H đã thế chấp giấy tờ đất của gia đình ông Kon Sa Ha H để vay tiền. Tổng số tiền lãi của khoản vay này vợ chồng ông Kon Sa Ha H phải trả theo thỏa thuận là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Như vậy, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo nhằm đạt được từ khoản vay này là 200.000.000 (hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, từ khi vay, vợ chồng ông Kon Sa Ha H chưa lần nào trả tiền lãi của khoản vay này cho các bị cáo nên các bị cáo chưa thu được tiền lãi. Vợ chồng ông Kon Sa Ha H chưa trả cho các bị cáo số tiền gốc của khoản vay này.

Lần thứ hai: Ngày 09/01/2023, vợ chồng ông Kon Sa Ha H đã vay của các bị cáo 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng, lãi suất là 10%/1 tháng (120%/01 năm), tương ứng với 15.000.000 (mười lăm triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 02/2023, thời hạn vay là 01 năm. Khi vay tiền, ông Ha H và bà K' X cùng viết giấy mượn tiền. Tổng số tiền lãi của khoản vay này vợ chồng ông Kon Sa Ha H phải trả theo thỏa thuận là 165.000.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Như vậy, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo nhằm đạt được từ khoản vay này là 137.500.000 (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng); vợ chồng ông Kon Sa Ha H đã trả tiền lãi là 62.000.000

(sáu mươi hai triệu đồng) của khoản vay này. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã thu được từ khoản vay này là 34.500.000 (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 06/12/2023, vợ chồng ông Kon Sa Ha H đã trả 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) tiền vay gốc của khoản vay này, số tiền gốc còn lại của khoản vay này vợ chồng ông Ha H chưa trả cho các bị cáo là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng).

Các bị cáo đã giao trực tiếp các khoản tiền vay cho vợ chồng ông Kon Sa Ha H tại nhà của các bị cáo hoặc chuyển tiền vay vào tài khoản của bà K' X (theo uỷ quyền của vợ chồng ông Ha H); vợ chồng ông Ha H trả tiền lãi cho các bị cáo bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản 5401205047xxx của Trần Thị Th tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện L. Tổng số tiền vợ chồng ông Ha H đã vay của các bị cáo là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng), đã trả 30.000.000 (ba mươi triệu đồng), còn lại 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu đồng) vợ chồng ông Ha H chưa trả; tổng số tiền lãi vợ chồng ông Ha H phải trả theo thoả thuận là 405.000.000 (bốn trăm lẻ năm triệu đồng); Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính các bị cáo nhằm đạt được từ các khoản vay này là 337.500.000 (ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng); tổng số tiền lãi vợ chồng ông Ha H đã trả là 62.000.000 (sáu mươi hai triệu đồng), số tiền lãi còn lại là 343.000.000 (ba trăm bốn mươi ba triệu đồng) vợ chồng ông Ha H vẫn còn nợ các bị cáo; Như vậy, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã thu được từ các khoản vay này là 34.500.000 (ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Do vợ chồng ông Ha H không trả tiền lãi của các khoản vay nên vợ chồng ông Ha H đã thống nhất với các bị cáo sẽ tìm người mua đất để vợ chồng ông Ha H bán mảnh đất đã thế chấp khi vay tiền. Khi bán được đất thì vợ chồng ông Ha H lấy tiền trả nợ cho các bị cáo, số tiền còn lại sẽ là của vợ chồng ông Ha H. Tuy nhiên, mảnh đất này đến nay vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Ha H, các bị cáo không bán hay lấy mảnh đất này.

4. Từ tháng 5/2022 đến tháng 9/2023, bà Liêng Hót K' Th đã 02 lần vay tiền của các bị cáo để sử dụng chung trong gia đình. Việc vay tiền, nhận tiền vay, trả tiền lãi cho các bị cáo do bà K' Th trực tiếp giao dịch với các bị cáo; cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 18/5/2023, bà Liêng Hót K' Th đã vay của các bị cáo 50.000.000 (năm mươi triệu đồng), lãi suất là 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 5.000.000 đ/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 6/2023. Khi vay tiền, bà K' Th có viết giấy vay tiền. Bà K' Th đã trả tiền lãi từ tháng 06/2023 đến tháng 9/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận của 04 tháng là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng), bà K' Th đã trả đủ số tiền này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 16.666.667 (mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Bà K' Th chưa trả số tiền gốc của khoản vay này cho các bị cáo.

Lần thứ hai: Ngày 29/9/2023, bà K' Th đã vay 10.000.000 (mười triệu đồng). Đến ngày 01/10/2023, bà K' Th tiếp tục vay của D, Th 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Các bị cáo thống nhất với bà K' Th gộp chung các khoản vay ngày 18/5/2023 là

50.000.000 (năm mươi triệu đồng), khoản vay ngày 29/9/2023 là 10.000.000 (mười triệu đồng) và khoản vay ngày 01/10/2023 là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) thành 01 khoản vay mới với tổng tiền vay là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng), bà K' Th đồng ý đã viết giấy vay ngày 01/10/2023 là vay 80.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 8.000.000 (tám triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính lãi từ tháng 10/2023. Bà K' Th đã trả tiền lãi của khoản vay này từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023. Trong đó, tháng 10/2023, tháng 11/2023 đã trả đủ 16.000.000 (mười sáu triệu đồng) tiền lãi, riêng tháng 12/2023, bà K' Th chỉ mới trả được 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền lãi còn lại là 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn đồng) bà K' Th chưa trả. Tổng tiền lãi phát sinh theo thoả thuận của khoản vay này là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu đồng); Như vậy, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo nhằm đạt được của khoản vay này là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Bà K' Th đã trả là 20.200.000 (bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng); Như vậy, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã thu được từ khoản vay này là 16.200.000 (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Bà K' Th chưa trả số tiền gốc của khoản vay này cho các bị cáo.

Các bị cáo đã giao trực tiếp các khoản tiền vay cho bà K' Th tại nhà của các bị cáo hoặc chuyển tiền vay vào tài khoản của bà K' Th; bà K' Th trả tiền lãi cho các bị cáo bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản 5401205047xxx của Trần Thị Th tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện L. Tổng số tiền bà Liêng Hót K' Th đã vay của các bị cáo là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng) và chưa trả số tiền này; Tổng số tiền lãi phát sinh bà K' Th phải trả theo thoả thuận là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu đồng); tổng số tiền lãi bà K' Th đã trả là 40.200.000 (bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã thu được từ các khoản vay này là 32.866.667 đồng; Khi viết giấy vay ngày 01/10/2023 thì bà K' Th có viết nội dung thế chấp nhà ở của bà K' Th tại TDP Đ, thị trấn L, L, Lâm Đồng cho các bị cáo, tuy nhiên, việc thế chấp này gia đình bà K' Th không biết và chỉ có bà K' Th viết, ký tên trên giấy thế chấp.

5. Từ tháng 5/2023 đến tháng 11/2023, vợ chồng bà Cil K' Đ, ông Bon Yô Hoàng Đ đã 05 lần vay tiền của các bị cáo để sử dụng chung trong gia đình. Việc vay tiền, nhận tiền vay, trả tiền lãi cho các bị cáo do bà Cil K' Đ trực tiếp giao dịch với các bị cáo; cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 23/5/2023, bà Cil K' Đ đã vay của các bị cáo 50.000.000 (năm mươi triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 5.000.000 (năm triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 6/2023. Bà Đ đã trả tiền lãi liên tục từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023. Tổng tiền lãi đã phát sinh theo thoả thuận là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng), bà K' Đ đã trả số tiền lãi này cho các bị cáo. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 16.666.667 (mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Vợ chồng bà Cil K' Đ chưa trả cho các bị cáo số tiền

gốc của khoản vay này.

Lần thứ hai: Tháng 7/2023, bà K' Đ đã vay của các bị cáo 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 7.000.000 (bảy triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 8/2023. Bà Đ đã trả tiền lãi của tháng 8/2023 và tháng 9/2023 là 14.000.000 (mười bốn triệu đồng). Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 11.666.667 (mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Vợ chồng bà Đ chưa trả cho các bị cáo số tiền gốc của khoản vay này.

Lần thứ ba: Ngày 03/8/2023, bà Đ đã vay của các bị cáo 20.000.000 (hai mươi triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 2.000.000 (hai triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 9/2023. Bà Đ đã trả tiền lãi của tháng 9/2023 là 2.000.000 (hai triệu đồng). Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 1.666.667 (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Vợ chồng bà Đ chưa trả cho các bị cáo số tiền gốc của khoản vay này.

Lần thứ tư: Ngày 23/9/2023, bà Đ đã vay của các bị cáo 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng). Các bị cáo thống nhất với bà Đ gom tất cả các số tiền vay trước đó gồm 50.000.000 (năm mươi triệu đồng), 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng), 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) thành khoản vay mới với tổng tiền vay là 200.000.000 (hai trăm triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 20.000.000 (hai mươi triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ tháng 10/2023. Bà Đ đã trả tiền lãi của tháng 10/2023 là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 16.666.667 (mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Vợ chồng bà Đ chưa trả số tiền gốc 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) của khoản vay này.

Lần thứ năm: Ngày 01/10/2023, bà Đ đã vay của các bị cáo 30.000.000 (ba mươi triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng, tương ứng với 3.000.000 đồng/ 01 tháng; các bị cáo đã lấy luôn tiền lãi của tháng 10/2023 là 3.000.000 (ba triệu đồng). Sau đó, thống nhất với bà Đ cộng dồn các khoản vay trước đây gồm 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) và khoản vay 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) này thành khoản vay mới với tổng số tiền vay là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng (120% 01 năm), tương ứng với 23.000.000 (hai mươi ba triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính lãi từ tháng 11/2023. Tuy nhiên, tháng 11/2023 Đ chỉ trả tiền lãi được 7.000.000 (bảy triệu đồng), còn 16.000.000 (mười sáu triệu đồng) tiền lãi còn lại các bị cáo cho bà Đ. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 3.166.667 (ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Đến ngày 28/12/2023, bà Đ mang trả tiền lãi của

tháng 12/2023 cho các bị cáo số tiền 11.000.000 (mười một triệu đồng), số tiền lãi còn lại là 12.000.000 (mười hai triệu đồng) của khoản vay trên bà Đ chưa trả. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo nhằm đạt được từ khoản vay này là 19.166.667 (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); Các bị can đã thu lợi bất chính được 7.166.667 (bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Khi các bị cáo nhận số tiền lãi 11.000.000 (mười một triệu đồng) từ bà Đ tại TDP Đ, TT L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thì bị cơ quan Công an bắt quả tang.

Các bị cáo đã giao trực tiếp các khoản tiền vay cho bà K' Đ tại nhà của các bị cáo hoặc chuyển tiền vay vào tài khoản của bà K' Đ; bà K' Đ trả tiền lãi cho các bị cáo bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản 5401205047xxx của Trần Thị Th tại ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện L. Tổng số tiền vợ chồng bà Cil K' Đ đã vay là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu đồng) và chưa trả số tiền này; Tổng số tiền lãi vợ chồng bà Đ phải trả theo thoả thuận là 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu đồng), như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính các bị cáo nhằm đạt được từ các khoản vay này là 71.500.000 (bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng); tổng số tiền lãi vợ chồng bà K' Đ đã trả là 77.000.000 (bảy mươi bảy triệu đồng), như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã thu được từ các khoản vay này là 59.500.000 (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Khi vay tiền, vợ chồng bà Đ có thể chấp tài sản là một mảnh đất tại khu vực M, TT L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng bằng hình thức viết giấy bán đất.

6. Ngày 21/7/2022, bà Cil Anh Đ đã vay của các bị cáo 10.000.000 đ (mười triệu đồng), lãi suất 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 1.000.000 (một triệu đồng)/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ ngày 21/7/2022. Bà Đ đã trả tiền lãi của tháng 7/2022 là 1.000.000 (một triệu đồng). Như vậy, các bị can đã thu lợi bất chính 833.333 (tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) từ khoản vay này. Bà Cil Anh Đ đã trả số tiền gốc 10.000.000 (mười triệu đồng) của khoản vay này cho các bị cáo; Ngày 01/8/2022, bà Cil Anh Đ vay của các bị cáo 5.000.000 (năm triệu đồng) lãi suất 10%/01 tháng (120%/ 01 năm), tương ứng với 500.000 đồng/ 01 tháng, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; bắt đầu tính tiền lãi từ ngày 01/8/2022. Bà Đ đã trả tiền lãi của tháng 8/2022 là 500.000 (năm trăm nghìn đồng). Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính 416.667 (bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) từ khoản vay này. Bà Cil Anh Đ đã trả số tiền gốc 5.000.000 (năm triệu đồng) của khoản vay này cho các bị cáo.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L Quyết định trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Lâm Đồng giám định chữ viết, chữ ký đối với các tài liệu cơ quan Công an đã thu giữ được khi bắt quả tang các bị cáo đang nhận tiền lãi và các tài liệu thu giữ được khi khám xét nơi ở của các bị cáo. Kết luận giám định số 323/KL-KTHS, ngày 19/3/2024 của Phòng PC09 - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Trần Thị

Th trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4; A5; A6 so với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Th trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người ký và viết ra. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2; A4 và chữ viết có nội dung “đã trả bớt 30.000.000 tiền gốc vào ngày 06/12/2023” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết Cil Yũ K’ X trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M13 là do cùng một người viết ra. Chữ viết phần nội dung trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3; A6 và tại trang đánh số 6 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Văn D trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra. Chữ viết phần nội dung trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5 và tại trang đánh số 10 trên tài liệu cần giám định A1 so với chữ viết của Cil K’ Đ trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Cil K’ Đ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5, A6 và tại trang đánh số 10 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Cil K’ Đ trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M5; M6 là do cùng một người ký và viết ra. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A7; A8, A9 so với chữ viết của Bon Yô Hoài S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M11 là do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Bon Yô Hoài S trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A7, A8, A9 và tại trang đánh số 6 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A11 so với chữ ký, chữ viết của Bon Yô Hoài S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M11, M12 là do cùng một người ký và viết ra. Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A10 và chữ viết có nội dung “ngày 18-5-2023 em có mượn của chị Th 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn) – Lãi trước ngày 8 là 2.200.000. – Lãi sau ngày 18 là: 1.800.000. – Lãi trước ngày 18 là 1.000.000. người mượn Liêng Hót K’ Th” tại trang đánh số 9 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A11 so với chữ viết của Liêng Hót K’ Th trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 là do cùng một người viết ra. Chữ viết phần nội dung; chữ ký, chữ viết ghi họ tên Cil Viễn Đ tại các trang đánh số 3, số 4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký của Cil Viễn Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M9; M10 là do cùng một người viết và ký ra.

Sổ phụ tài khoản 5401205047xxx của Trần Thị Th do Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện L cung cấp đã xác định tài khoản của Trần Thị Th đã nhiều lần nhận được các khoản tiền lãi do Bon Yô Hoài S, Cil Viễn Đ, Cil K’ Đ, Liêng Hót K’ Th, Cil Yũ K’ X chuyển tới. Kết quả kiểm tra dữ liệu có trong chiếc điện thoại Samsung Galaxy Z Fold 4, gắn Sim số 0906524xxx xác định tài khoản Zalo “xxx” và tài khoản Facebook “xxx” có nhiều tin nhắn có nội dung liên quan đến việc cho vay tiền lãi, thu tiền lãi.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKSLD ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thị Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã khai báo ở Cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng truy tố và lời trình bày tại phiên

tòa hôm nay như nội dung vụ án được tóm tắt ở trên; Các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng, và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Bon Yô Hoài S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo vì trong lúc khó khăn không vay được tiền để chữa trị bệnh cho mẹ, chị đã được các bị cáo cho vay để chữa bệnh, đồng thời chị không yêu cầu các bị cáo phải trả tiền thu lợi bất chính; chị Liêng Hót K'Th, Cil Anh Đ trình bày không yêu cầu các bị cáo phải trả tiền thu lợi bất chính; chị Cil Viễn Đ, Cil K'Đ và Cil Yũ K'X đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; đồng thời những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thị Th về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số 15/CT-VKSLD ngày 11/6/2024; đại diện viện kiểm sát không đồng ý với đề nghị của luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cũng như áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự với bị cáo Th và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 tháng đến 15 tháng tù; Phạt bổ sung bị cáo D từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; Xử phạt bị cáo Trần Thị Th từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Khoản tiền gốc cho vay, người vay đã trả cho các bị cáo, gồm: Cil Yũ K'X, Cil Yũ K'Th và Kon Sa Ha H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) và Cil Anh Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu đồng) nên buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm với số tiền 195.916.666 đồng, người vay đã trả cho các bị cáo, buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm, những người vay yêu cầu các bị cáo trả lại, do vậy buộc các bị cáo trả lại cho người vay; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm, những người vay không yêu cầu các bị cáo trả lại do vậy không xem xét giải quyết. Truy thu số tiền gốc mà người vay chưa trả cho các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

Xử lý vật chứng đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 (hai) điện thoại di động. Trả cho Kon Sơ Ha H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trả cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda ReBel. Tịch thu tiêu hủy vật chứng còn lại do không còn giá trị sử dụng.

Đối với Pang Ting V, người tên Ph, V, T, Th “m” là những người có tên trong các tài liệu đã thu giữ được; Do không xác định và làm việc được với những người này nên

Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để kết luận về các khoản vay này, do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh và sẽ xử lý khi đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: ông không có ý kiến về tội danh áp dụng đối với bị cáo; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Th có bố và ông nội là người có công với cách mạng được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn D bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa; bị cáo Th đề nghị áp dụng hình phạt tiền và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng của các bị cáo đều có ý kiến về việc đã nhận thấy việc làm của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bon Đình H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Xét thấy trong quá trình điều tra đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Xét thấy từ cuối tháng 01/2022 đến tháng 12/2023, tại huyện L, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Văn D và Trần Thị Th đã nhiều lần cho nhiều người vay tiền với lãi suất 10%/01 tháng; tương ứng với 120%/01 năm đối với mỗi khoản vay, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng khác; do vậy Cáo trạng số 15/CT-VKSLD ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo

Nguyễn Văn D và Trần Thị Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thị Th có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã nộp lại số tiền 300.000.000 đồng để nộp sung ngân sách Nhà nước cũng như để trả cho người vay một phần tiền thu lợi bất chính; đối với bị cáo Trần Thị Th có cha đẻ là ông Trần H được tặng Huân Chương kháng chiến hạng nhì và ông nội là ông Trần Văn G được tặng Huân Chương kháng chiến hạng nhì; do vậy cũng cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đối với yêu cầu của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào ý kiến của đại diện viện kiểm sát đề nghị không áp dụng điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo vì các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; cũng như khoản tiền các bị cáo nộp lại không phải là bồi thường khắc phục hậu quả, và không đủ điều kiện áp dụng điều 54 đối với bị cáo Th là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật

[6]. Về quyết định hình phạt:

Xét tính chất mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến hoạt động tín dụng, ngân hàng do Nhà nước trực tiếp quản lý; gây mất trật tự tại địa phương và xã hội do vậy cần phải xử lý nghiêm, theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D đã cho nhiều người vay, tổng số tiền cho vay là 1.175.000.000 (một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu đồng); lãi suất 10%/01 tháng, tương ứng 120%/01 năm đối với mỗi khoản vay, đã gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự; Tổng số tiền thu lợi bất chính là 963.833.333 (chín trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); Tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu được từ các khoản vay là 645.033.333 (sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) nên cần phải xử lý nghiêm để bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt, cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Trần Thị Th trong thời gian sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Văn D, bị cáo đã cùng bị cáo D thực hiện hành vi cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự; Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; hiện nay bị cáo đã ly thân và đang nuôi

03 con nhỏ (trong đó có 02 con của bị cáo và 01 con của bị cáo Nguyễn Văn D); bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nên việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng không ảnh hưởng tới công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo cũng như tạo điều kiện cho bị cáo được chăm sóc các con của bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội do động cơ mục đích tư lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự để sung quỹ nhà nước.

[8]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[8.1]. Đối với các bị cáo:

[8.1.1]. Khoản gốc cho vay, người vay đã trả cho các bị cáo, gồm: chi Cil Yũ K'X, bà Cil Yũ K'Th và ông Kon Sa Ha H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) và chị Cil Anh Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu đồng) nên buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước; được khấu trừ số tiền thu giữ của các bị cáo tại Ủy nhiệm chi ngày 23/4/2024 của Công an huyện L và số tiền tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024 của Chi cục thị hành án dân sự huyện L (các bị cáo đã nộp đủ).

[8.1.2]. Khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm với số tiền 155.916.666 đồng, người vay đã trả cho các bị cáo, gồm: Bon Yô Hoài S và Bon Đing H 76.833.333 đồng; Cil Viễn Đ 26.500.000 đồng; Cil Yũ K'X, Cil Yũ K'Th và Kon Sa Ha H 27.500.000 đồng; Liêng Hót K'Th 7.333.333 đồng; Cil K' Đ và Bon Yô Hoàng Đ 17.500.000 đồng; Cil Anh Đ 250.000 đồng), buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước; được khấu trừ số tiền đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024 của Chi cục thị hành án dân sự huyện L (các bị cáo đã nộp đủ).

[8.1.3]. Khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm, là số tiền thu lợi bất chính, những người vay yêu cầu các bị cáo trả lại; do vậy buộc các bị cáo trả lại cho người vay, bao gồm:

- Trả cho chị Cil Viễn Đ 132.500.000 đồng; được khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng các bị cáo đã trả tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024; các bị cáo còn tiếp tục phải trả số tiền 72.500.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo ½.

- Trả cho chị Cil Yũ K'X, bà Cil Yũ K'Th và ông Kon Sa Ha H 34.500.000 (ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng); được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng các bị cáo đã trả tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024; các bị cáo còn tiếp tục phải trả số tiền 14.500.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo ½.

- Trả cho chị Cil K' Đ và anh Bon Yô Hoàng Đ 59.500.000 đồng; được khấu trừ số tiền 30.083.334 đồng các bị cáo đã trả tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024; các bị cáo còn tiếp tục phải trả số tiền 29.416.666 đồng, theo phần mỗi bị cáo ½.

Đối với số tiền 110.083.334 (một trăm mười triệu không trăm tám mươi ba ngàn

ba trăm ba mươi tư đồng) thu lợi bất chính các bị cáo đã trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024; do vậy cần khấu trừ trong khoản nợ gốc người vay bị truy thu để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8.1.4]. Khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm, những người vay không yêu cầu các bị cáo trả lại gồm: chị Bon Yô Hoài S và anh Bon Đình H 384.166.667 đồng; chị Liêng Hót K' Th 32.866.667 đồng; bà Cil Anh Đ số tiền 1.250.000 đồng; do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8.2]. Truy thu số tiền gốc mà người vay chưa trả cho các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước gồm:

- Chị Bon Yô Hoài S và anh Bon Đình H nộp lại số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Chị Liêng Hót K' Th nộp lại số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Chị Cil Viễn Đ nộp lại số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng); được khấu trừ số tiền 60.000.000 (bốn mươi triệu đồng), thu lợi bất chính các bị cáo đã trả tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024; bà Cil Viễn Đ còn phải tiếp tục nộp ngân sách Nhà nước sau khi khấu trừ là 90.000.000 (chín mươi triệu đồng).

- Chị Cil Yũ K' X, bà Cil Yũ K' Th và ông Kon Sa Ha H nộp lại số tiền 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước; được khấu trừ số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng), thu lợi bất chính các bị cáo đã trả tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024; chị Cil Yũ K' X, bà Cil Yũ K' Th và ông Kon Sa Ha H còn phải tiếp tục nộp ngân sách Nhà nước sau khi khấu trừ là 300.000.000 (ba trăm triệu đồng).

- Chị Cil K' Đ và anh Bon Yô Hoàng Đ nộp lại số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước; được khấu trừ số tiền 30.083.334 (hai mươi triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi tư đồng), thu lợi bất chính các bị cáo đã trả tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024; chị Cil K' Đ và anh Bon Yô Hoàng Đ còn phải tiếp tục nộp ngân sách Nhà nước sau khi khấu trừ là 199.916.666 (một trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu sáu đồng).

[8.3]. Đối với vật chứng:

[8.3.1]. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Z Flip 4, số IMEL 1: 353185442104131, trong máy có gắn sim điện thoại số 0933065xxx; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Z Fold 4, số imel 1: 352908910951852, trong máy có gắn sim điện thoại số 09065240xxx, do sử dụng vào việc phạm tội.

[8.3.2]. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp mực lăn tay có mực màu đỏ; 01 (một) hộp mực lăn tay có mực màu đen, do không còn giá trị sử dụng.

[8.3.4]. Trả cho ông Kon Sơ Ha H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 358207 đề tên Kon Sơ Ha H (bản chính). Trả cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda ReBel có gắn biển số 72x-12xxx. Số máy: 44FMIA003xxx, số khung: J4RJDX003xxx.

[8.3.5]. Lưu vào hồ sơ vụ án những vật chứng còn lại tại quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số 07/QĐ-ĐTTH, ngày 28/12/2023.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2023.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn D 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

1.2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Th 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu đồng).

2. Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 11.000.000 (mười một triệu đồng) tại Ủy nhiệm chi ngày 23/4/2024 và số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng) các bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000415 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Dương; Số tiền tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm:

- Nợ gốc người vay đã trả cho các bị cáo: 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu đồng).
- Tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm: 155.916.666 (một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).
- Tiền lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm (thu lợi bất chính) các bị cáo đã trả cho người vay số tiền 110.083.334 (một trăm mười triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi tư đồng).

2.2. Truy thu số tiền gốc mà người vay chưa trả cho các bị cáo để sung ngân sách Nhà nước gồm:

- Chị Bon Yô Hoài S và anh Bon Đing H nộp lại số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Chị Liêng Hót K'Th nộp lại số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Chị Cil Viễn Đ nộp lại số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Chị Cil Yũ K'X, bà Cil Yũ K'Th và ông Kon Sa Ha H nộp lại số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Chị Cil K' Đ và anh Bon Yô Hoàng Đ nộp lại số tiền 199.916.666 (một trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu sáu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.3. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thị Th trả lại cho người vay tiền lãi tương ứng với lãi suất trên 20%/năm, gồm:

- Trả cho chị Cil Viễn Đ số tiền 72.500.000 (bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng); theo phần bị cáo Nguyễn Văn D 36.250.000 đồng và Trần Thị Th 36.250.000 đồng.

- Trả cho chị Cil Yũ K'X, bà Cil Yũ K'Th và ông Kon Sa Ha H số tiền 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng); theo phần bị cáo Nguyễn Văn D 7.250.000 (bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và Trần Thị Th 7.250.000 (bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

- Trả cho chị Cil K' Đ và anh Bon Yô Hoàng Đ số tiền 29.416.666 (hai mươi chín triệu bốn trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); theo phần bị cáo Nguyễn Văn D 14.708.333 (mười bốn triệu bảy trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) và Trần Thị Th 14.708.333 (mười bốn triệu bảy trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

2.4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Z Flip 4, số IMEL 1: 353185442104131, trong máy có gắn sim điện thoại số 0933065686; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Z Fold 4, số imel 1: 352908910951852, trong máy có gắn sim điện thoại số 0906524078.

Trả cho Kon Sơ Ha H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 358207 đề tên Kon Sơ Ha H (bản chính); Trả cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda ReBel có gắn biển số 72x-12xxx. Số máy: 44FMIA003xxx, số khung: J4RJDX003xxx.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp mực lăn tay có mực màu đỏ; 01 (một) hộp mực lăn tay có mực màu đen.

(Vật chứng được giao nhận theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/4/2024 và ngày 12/6/2024).

Lưu vào hồ sơ vụ án những vật chứng còn lại tại quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số 07/QĐ-ĐTTH, ngày 28/12/2023 của Công an huyện Lạc Dương.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thị Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Công an huyện Lạc Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phúc

